

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HS-ST

Ngày: 17/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Minh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Thê

Ông Bùi Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2023/TLST-HS, ngày 24 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Trần Thị T; giới tính: Nữ; sinh ngày: 20/4/1990 tại huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Doãn P và bà Nguyễn Thị C; chồng: Nguyễn Trần V, sinh năm 1986 (đã ly hôn); có 01 con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 27/9/2022 đến ngày 02/10/2022 bị khởi tố bị can và chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H đến nay.

*** Người đại diện hợp pháp và bào chữa cho bị cáo** Trần Thị T: Ông Trần Doãn P, sinh năm 1964 (là bố đẻ bị cáo); nghề nghiệp: Làm ruộng; nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

2. Nguyễn Văn Đ; giới tính: Nam; sinh ngày: 24/8/1979; nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; con ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị C1; có vợ Tôn Thị T1 và 02 con, lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 03/11/2018, Nguyễn Văn Đ bị Công an thành phố S, tỉnh Thanh Hóa xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”. Chấp hành xong quyết định xử phạt ngày 31/10/2019.

Bị tạm giữ từ ngày 29/9/2022 đến ngày 02/10/2022 bị khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Anh Phan Anh T2, sinh năm 1986; nghề nghiệp: Kinh doanh; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (có đơn đề nghị vắng mặt).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Trần Doãn P, sinh năm 1964; nghề nghiệp: Làm ruộng; nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1967; nghề nghiệp: Làm ruộng; nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

*** Người chứng kiến:**

- Chị Trịnh Thị T3, sinh năm 1992; nghề nghiệp: Kinh doanh; nơi cư trú: Khu phố B, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

*** Người làm chứng:**

- Anh Trần Danh Q1, sinh năm: 1991; nghề nghiệp: Kinh doanh; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/7/2022, trong quá trình tham dự sự kiện giới thiệu việc làm của công ty B tại khách sạn Đ1 ở số B, đường T, thành phố H, Trần Thị T và anh Phan Anh T2 (sinh năm 1986, trú tại thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh) quen biết nhau, sau đó giữa hai người nảy sinh tình cảm và quan hệ tình dục với nhau. Sau một thời gian, thấy anh T2 có thái độ lạnh nhạt với mình nên T có ý định quay video việc T và anh T2 quan hệ tình dục nhằm uy hiếp buộc anh T2 phải đưa tiền cho T. Khoảng 12 giờ 43 phút ngày 01/8/2022, T đã sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu vàng của mình quay video quá trình quan hệ tình dục giữa T và anh T2 tại một khách sạn ở gần quán C3 ở thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau đó, T sử dụng tài khoản Zalo của mình tên là “K” (nay đổi tên thành “Sống cho những gì xứng đáng”) gửi cho anh T2 hình ảnh chụp từ đoạn video và yêu cầu anh T2 đưa số tiền 100.000.000 đồng nếu anh T2 không đồng ý thì T sẽ gửi đoạn video trên cho gia đình anh T2 và phát tán lên mạng xã hội. Đồng thời, T còn sử dụng tài khoản Facebook “Oanh M” gửi đoạn video này cho Nguyễn Văn Đ (sinh năm 1979, trú tại thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) và nhờ Đ gọi điện đe dọa, đòi tiền anh T2. Đ gọi điện cho anh T2, tự giới thiệu tên là T4 - anh trai của T và yêu cầu anh T2 phải đưa tiền cho T nếu không Đ sẽ gửi đoạn video cho vợ của anh T2. Do lo sợ nên anh T2 đã đồng ý và yêu cầu được gặp trực tiếp T và Đ để ký hợp đồng giữ bí mật, xóa video rồi giao tiền cho T và Đ. Đến ngày 26/9/2022, T hẹn anh T2 sẽ gặp nhau tại thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Ngày 27/9/2022, anh T2 đi ra thành phố T, tỉnh Thanh

Hóa gặp T, T liên hệ với Đ thì Đ hẹn gặp ở huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình đi đến thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, anh T2 và T thỏa thuận anh T2 sẽ đưa cho T và Đ số tiền 80.000.000 đồng. Khi đến nơi, anh T2 và T gọi điện cho Đ và nói anh T2 sẽ đưa cho T và Đ số tiền 80.000.000 đồng. Đ nói với anh T2 chỉ cần đưa số tiền đó cho T là được, không cần phải gặp Đ. Sau đó, T và anh T2 đi đến quán cà phê “Võng” ở thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trao đổi về việc anh T2 đưa cho T số tiền 80.000.000 đồng trong đó đưa trực tiếp 20.000.000 đồng chuyển khoản 60.000.000 đồng thì T sẽ xóa đoạn video và giữ bí mật việc giữa anh T2 và T quan hệ tình dục với nhau. Anh T2 đồng ý và đưa hợp đồng giữ bí mật cho T đọc, ký vào hợp đồng. Đến 18 giờ 40 phút ngày 27/9/2022, anh T2 đưa cho T số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) thì bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H phát hiện, bắt quả tang. Đến ngày 29/9/2022, Nguyễn Văn Đ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H đầu thú.

Bản kết luận giám định âm thanh số 8829/KL-KTHS ngày 17/3/2023 của V1 Bộ C4 kết luận:

+ Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong mẫu câu giám định.

+ Tiếng nói của người nói giọng nam (ký hiệu “Thiên” trong bản dịch nội dung âm thanh mẫu cần giám định) trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Phan Anh T2 trong mẫu so sánh là của cùng một người.

+ Tiếng nói của người nói giọng nam (ký hiệu “Diệp” trong bản dịch nội dung âm thanh mẫu cần giám định) trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Văn Đ trong mẫu so sánh là của cùng một người.

+ Tiếng nói của người nói giọng nữ (ký hiệu “Thanh” trong bản dịch nội dung âm thanh mẫu cần giám định) trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Trần Thị T trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 61/KLGĐ, ngày 23/12/2022 của Phân viện pháp y tâm thần Bắc miền T kết luận:

+ Tại thời điểm trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị can Trần Thị T bị bệnh: Khí sắc chu kỳ, theo Phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 (ICD 10), có mã bệnh là: F34.0

+ Tại các thời điểm trước và trong khi thực hiện hành vi phạm tội, bệnh của Trần Thị T ở mức độ nhẹ (tương đương bệnh ở giai đoạn ổn định). Tại các thời điểm này Trần Thị Thanh đã khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

+ Tại các thời điểm sau khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định, bệnh của Trần Thị T ở mức độ vừa (tương đương bệnh ở giai đoạn suy giảm). Tại các thời điểm này Trần Thị Thanh đã khả năng nhận thức nhưng hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

** Về vật chứng thu giữ :*

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s Plus màu vàng, đã qua sử dụng, số IMEI 353296074609915, gắn sim số: 0365320619 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s Plus màu bạc, đã qua sử dụng, số IMEI 353328072210949, gắn sim số: 0363644917 (thu của Trần Thị T).

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A5, đã qua sử dụng, số IMEI1: 354021089868531, số IMEI2: 354022089868539, gắn sim số 0982895233, 0988823022 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110 4G màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI1: 359097700170668, số IMEI2: 359097700665667, gắn sim số 0932.301.712 (thu của Nguyễn Văn Đ).

Những vật chứng này đã chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh để đảm bảo việc xét xử và thi hành án theo quy định pháp luật.

+ 01 (một) đĩa DVD lưu dữ liệu có liên quan trong máy điện thoại Trần Thị T; 01 (một) đĩa DVD lưu dữ liệu có liên quan trong máy điện thoại Nguyễn Văn Đ; 01 (một) đĩa DVD lưu dữ liệu có liên quan trong máy điện thoại bị hại Trần Anh T5; 04 (bốn) đĩa DVD lưu dữ liệu giọng nói của anh Phan Anh T2, Trần Thị T và Nguyễn Văn Đ là mẫu so sánh phục vụ giám định âm thanh; 01 (một) tờ giấy đề mục “Hợp đồng giữ bí mật” đề ngày 27/9/2022 với thành phần bên A là bà Trần Thị T, bên B là ông Phan Anh T2. Chuyển theo hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) túi, loại có tay xách, bằng vải, màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) cọc tiền được buộc bằng dây chun, gồm 100 (một trăm) tờ tiền ngân hàng N, loại đang lưu hành trên thị trường, mệnh giá 100.000 đồng; 01 (một) cọc tiền được buộc bằng dây chun, gồm 100 (một trăm) tờ tiền ngân hàng N, loại đang lưu hành trên thị trường, mệnh giá 100.000 đồng. Đã trả lại cho anh Phan Anh T2.

+ 01 túi xách phụ nữ, loại có quai đeo, màu đồng, có vân, đã qua sử dụng. Bên trong đựng: 03 tờ tiền ngân hàng N mệnh giá 200.000 đồng, 03 (ba) tờ tiền ngân hàng N mệnh giá 100.000 đồng, 01 (một) tờ tiền ngân hàng N mệnh giá 50.000 đồng, 03 (ba) tờ tiền ngân hàng N mệnh giá 20.000 đồng, 04 (bốn) tờ tiền ngân hàng N mệnh giá 10.000 đồng. Đã trả lại cho gia đình bị cáo Trần Thị T.

** Về trách nhiệm dân sự:*

Người bị hại anh Phan Anh T2 yêu cầu các bị cáo Trần Thị T và Nguyễn Văn Đ bồi thường số tiền 2.000.000 đồng (là khoản chi phí thực tế anh T2 bị thiệt hại khi đi từ Hà Tĩnh ra Thanh Hóa giao tiền cho các bị cáo). Nguyễn Văn Đ đã bồi thường cho anh Phan Anh T2 số tiền 1.000.000 đồng, Trần Thị T đã bồi thường cho anh T2 số tiền 1.000.000 đồng. Hiện người bị hại không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn điểm d khoản 2 Điều 170; các điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 27/9/2022.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 29/9/2022 đến ngày 02/10/2022

Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước các loại vật chứng sau:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s Plus màu vàng, đã qua sử dụng, số IMEI 353296074609915, gắn sim số: 0365320619 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s Plus màu bạc, đã qua sử dụng, số IMEI 353328072210949, gắn sim số: 0363644917 (thu của Trần Thị T).

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A5, đã qua sử dụng, số IMEI1: 354021089868531, số IMEI2: 354022089868539, gắn sim số 0982895233, 0988823022 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110 4G màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI1: 359097700170668, số IMEI2: 359097700665667, gắn sim số 0932.301.712 (thu của Nguyễn Văn Đ).

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp đồng thời là người bào chữa cho bị cáo Trần Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về chữa bệnh và nuôi con, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đã ly hôn chồng, có con gái còn nhỏ dại (Trần Khánh C2 sinh năm 2016) hiện đang ở với ông bà ngoại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của bị hại; người chứng kiến, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh H lập hồi 18 giờ 40 phút ngày 27/9/2022 tại quán C5 thuộc khu phố B, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; phù hợp với đặc điểm vật chứng vụ án được thu giữ cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Do cần tiền tiêu xài cá nhân, Trần Thị T đã dùng điện thoại quay lại hình ảnh quan hệ tình dục giữa T và anh Phan Anh T2. Sau đó, Trần Thị T và Nguyễn Văn Đ đã gọi điện thoại, nhắn tin đe dọa, uy hiếp tinh thần anh T2 về việc sẽ gửi video quan hệ tình dục giữa anh T2 và T cho gia đình anh T2 và phát tán lên mạng xã

hội để buộc anh Phan Anh T2 phải đưa cho Trần Thị T và Nguyễn Văn Đ số tiền 80.000.000 đồng. Do lo sợ, nên khoảng 18 giờ 40 phút ngày 27/9/2022, tại quán cà phê V, thuộc khu phố B, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, anh T2 đã đồng ý giao cho T số tiền 80.000.000 đồng, trong đó, giao tiền mặt là 20.000.000 đồng và số tiền chuyển khoản là 60.000.000 đồng.

[3] Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, hành vi các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Văn Đ thực hiện đã phạm vào tội “*Cưỡng đoạt đoạt tài sản*”. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt trị giá trên 50.000.000 đồng nên các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Văn Đ phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, vụ án có đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ giữa bị cáo Trần Thị T và bị cáo Nguyễn Văn Đ.

Bị cáo Trần Thị Thanh g vai trò chủ mưu và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo; là người có bệnh bị hạn chế khả năng điều khiển hành vi; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt. Trong vụ án bị cáo T là người chủ mưu, trực tiếp dùng điện thoại để quay lại cảnh bị cáo và bị hại quan hệ tình dục nhằm mục đích tống tiền bị hại và là người trực tiếp đe dọa, nhận tiền của bị hại nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt. Lẽ ra, phải xử phạt bị cáo với mức án cao hơn mức khởi điểm của khung hình phạt. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã ly hôn chồng, bị bệnh hạn chế khả năng điều khiển hành vi, đang nuôi con nhỏ nên cần xem xét xử phạt bị cáo với mức án khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ nghiêm, có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt đồng thời thể hiện đường lối xét xử và chính sách khoan hồng của pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ giữ vai trò giúp sức. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo; tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm; đầu thú, được Ban chấp hành đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N tặng thưởng nhiều Giấy khen; bố đẻ là ông Nguyễn Văn Q là thương binh hạng 1/8, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; mẹ đẻ bà Phạm Thị C1 được Ủy ban nhân dân tỉnh T tặng Bằng khen vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, t khoản 1,

khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng cho bị cáo. Trong vụ án bị cáo Đ giữ vai trò thứ yếu, không trực tiếp nhận tiền từ bị hại, không có mục đích hưởng lợi khi chiếm đoạt được tài sản, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, chưa cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mà áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục bị cáo cũng đủ nghiêm có tác dụng giáo dục răn đe bị cáo trở thành người tốt.

[5] Về xử lý vật chứng:

Những vật chứng là công cụ phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s Plus màu vàng, đã qua sử dụng, số IMEI 353296074609915, gắn sim số: 0365320619 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s Plus màu bạc, đã qua sử dụng, số IMEI 353328072210949, gắn sim số: 0363644917 (thu giữ của Trần Thị T).

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A5, đã qua sử dụng, số IMEI1: 354021089868531, số IMEI2: 354022089868539, gắn sim số 0982895233, 0988823022 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110 4G màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI1: 359097700170668, số IMEI2: 359097700665667, gắn sim số 0932.301.712 (thu của Nguyễn Văn Đ).

+ Đối với 01 (một) đĩa DVD lưu dữ liệu có liên quan trong máy điện thoại Trần Thị T; 01 (một) đĩa DVD lưu dữ liệu có liên quan trong máy điện thoại Nguyễn Văn Đ; 01 (một) đĩa DVD lưu dữ liệu có liên quan trong máy điện thoại bị hại Trần Anh T5; 04 (bốn) đĩa DVD lưu dữ liệu giọng nói của anh Phan Anh T2, Trần Thị T và Nguyễn Văn Đ là mẫu so sánh phục vụ giám định âm thanh; 01 (một) tờ giấy đề mục “Hợp đồng giữ bí mật” đề ngày 27/9/2022 với thành phần bên A là bà Trần Thị T, bên B là ông Phan Anh T2, chuyển theo hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) túi, loại có tay xách, bằng vải màu đen đã qua sử dụng; 01 (một) cọc tiền được buộc bằng dây chun, gồm 100 (một trăm) tờ tiền ngân hàng N, loại đang lưu hành trên thị trường, mệnh giá 100.000 đồng; 01 (một) cọc tiền được buộc bằng dây chun, gồm 100 (một trăm) tờ tiền ngân hàng N, loại đang lưu hành trên thị trường, mệnh giá 100.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Phan Anh T2 là có căn cứ.

+ 01 túi xách phụ nữ, loại có quai đeo, màu đồng, có vân, đã qua sử dụng. Bên trong đựng: 03 tờ tiền ngân hàng N mệnh giá 200.000 đồng, 03 (ba) tờ tiền ngân hàng N mệnh giá 100.000 đồng, 01 (một) tờ tiền ngân hàng N mệnh giá 50.000 đồng, 03 (ba) tờ tiền ngân hàng N mệnh giá 20.000 đồng, 04 (bốn) tờ tiền ngân hàng N mệnh giá 10.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho gia đình bị cáo Trần Thị T là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Phan Anh T2 yêu cầu các bị cáo Trần Thị T và Nguyễn Văn Đ bồi thường số tiền 2.000.000 đồng (là khoản chi phí thực tế anh T2 bị thiệt hại khi đi từ Hà Tĩnh ra Thanh Hóa giao tiền cho các bị cáo). Nguyễn Văn Đ đã bồi thường cho anh Phan Anh T2 số tiền

1.000.000 đồng, Trần Thị T đã bồi thường cho anh Phan Anh T2 số tiền 1.000.000 đồng. Nay anh T2 không yêu cầu bồi thường gì thêm, Tòa miễn xét.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; các điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị T 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 27/9/2022.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm phối hợp với Chính quyền địa phương giám sát, giáo dục Nguyễn Văn Đ trong thời gian thử thách.

- Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 và điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách Nhà nước các loại vật chứng sau:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s Plus màu vàng, đã bị vỡ màn hình, có vết sọc dọc ở màn hình, bên trong lắp sim số 0365320619, số seri sim: 8984048000901708026; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s Plus màu bạc, đã bị vỡ màn hình, bên trong lắp sim số: 0363644917, số seri sim: 8984048000902102103 thu giữ của bị cáo Trần Thị T.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A5, đã qua sử dụng bị vỡ màn hình, số IMEI1: 354021089868531, số IMEI2: 354022089868539, gắn sim số 0982895233, 0988823022; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110 4G màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI1: 359097700170668, số IMEI2: 359097700665667, gắn sim số 0932.301.712 thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn Đ.

(Tình trạng, đặc điểm cụ thể các loại vật chứng thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng số 38/2023 lập hồi 14 giờ 30 phút ngày 21/4/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc Trần Thị T, Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp, người bào chữa của bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKS Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- PC 01 Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- PV 06 Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh;
- Trại tạm giam Công an Hà Tĩnh;
- Các bị cáo; Đại diện hợp pháp bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Minh Thư